PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Fun time 4 · Unit 13–14 (SGK tr. 63–64)

Tuần 30

Họ và tên: ..... Lớp: .....

✏️ Bài 1: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

fou□teen (số 14) fift□n (số 15) s□xteen (số 16)

brot□er (anh trai, em trai) sis□er (chị gái, em gái) eleve□ (số 11)

✏️ Bài 2: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

brother fifteen sister eleven

1. What number is it? – It's ..... (11).
2. How old is your .....?
3. It's ..... (15).
4. She's my .....

🎈 Bài 3: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. fourteen	●	● a. 16
2. sixteen	●	● b. 17
3. seventeen	●	● c. 12
4. twelve	●	● d. 14

✅ Bài 4: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. How old is your sister? – □□□ sixteen. (A) She's (B) He's (C) It's
2. What number is it? – □□□ twelve. (A) She's (B) It's (C) He's
3. Số 15 viết là gì? (A) fourteen (B) eleven (C) fifteen
4. Anh trai bạn 17 tuổi. How old is your brother? – He's □□□.
   (A) seventeen (B) sixteen (C) eighteen

🎈 Bài 5: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: brother sister

Chưa cần viết câu.

onthi.app · Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí có đáp án

ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 30

Bài 1: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

fourteen (số 14) fifteen (số 15) sixteen (số 16) brother (anh trai, em trai)
sister (chị gái, em gái) eleven (số 11)

Bài 2: Look, read and write – chọn từ trong khung, viết vào chỗ trống

1. What number is it? – It's eleven (11).
2. How old is your brother?
3. It's fifteen (15).
4. She's my sister.

Bài 3: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – d 2 – a 3 – b 4 – c

Bài 4: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. A (She's) 2. B (It's) 3. C (fifteen) 4. A (seventeen)

Bài 5: Copy the words – chép 2 từ

brother sister

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án